

Bản án số: 240/2022/HS-ST

Ngày: 07/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 219/2022/TLST-HSST ngày 17 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022, đối với các bị cáo:

Họ và tên: **Trần Phương N.** Giới tính: N. Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1998. Tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Tổ 15, Ấp 7, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Nơi đăng ký HKTT: Khu phố LD 1, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai).

Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Trần Xuân Q, sinh năm 1971 và bà Phan Thị Ch, sinh năm 1974. Gia đình bị cáo có 03 (Ba) anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: chị Nguyễn Thị Thuỳ D, sinh năm 2000;

Địa chỉ HKTT: Ấp 4B, tổ 10, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Khu phố 6, phường L, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn A, sinh năm 1983; Địa chỉ: Đường Phùng Hưng, ấp L3, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (Tiệm Cầm đồ Đại Thảo). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Phương N, Hồ Lê Ngọc Th (do không đủ tuổi đi làm nên Th sử dụng chứng minh nhân dân tên Tăng Khải Minh) và chị Nguyễn Thị Thuỷ D ngụ tại xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu làm cùng công ty nên quen biết nhau. Chị D thường xuyên đến phòng trọ của N, Th thuê tại địa chỉ G14, tổ 13, khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hoà để chơi và cho N, Th mượn 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus chơi game. Quá trình sử dụng điện thoại của chị D, N và Th biết mật khẩu điện thoại và phát hiện tài khoản ngân hàng của chị D có số tiền 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng) nên N rủ Th tìm cách lấy điện thoại của chị D và chiếm đoạt số tiền trên. Thực hiện ý định, khoảng 21 giờ ngày 08-12-2021, khi chị D đến phòng trọ của Th và N chơi thì Th giả vờ mượn điện thoại của chị D để gọi cho người nhà, tin tưởng nên chị D đã đưa chiếc điện thoại trên cho Th rồi Th tắt nguồn điện thoại, bỏ đi, còn N giả vờ cùng chị D gọi điện thoại cho Th để tìm điện thoại nhưng không liên lạc được. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, N và Th tìm cách mở mật khẩu tài khoản ngân hàng trên ứng dụng điện thoại để chiếm đoạt số tiền 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng) thì phát hiện phía sau ốp lưng điện thoại có 01 (Một) căn cước công dân và 01 (Một) thẻ ATM của chị D. Do không có xe đi lại nên N nhờ anh Cao Khải Đ (là anh họ của N) ngụ tại khu phố Long Đức 3, phường Tam Phước, thành phố Biên Hoà chở N và Th đến trụ ATM của ngân hàng Viettinbank tại Siêu thị Coopmark Biên Hoà thuộc phường Tân Tiến, thành phố Biên Hoà để rút tiền. Tại đây, Th và anh Định đứng ngoài chờ còn N đi vào trong dùng thẻ ATM và thử mật khẩu là ngày tháng năm sinh của chị D thì N rút được số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Đến khoảng 06 giờ ngày 09-12-2021, cả hai tiếp tục đến trụ ATM Vietcombank tại khu công nghiệp Long Thành thuộc huyện Long Thành, N tiếp tục rút được số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng). Số tiền trên, N và Th đã tiêu xài hết. Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus sau khi chiếm đoạt được, N và Th mang đến cầm tại tiệm cầm đồ Đại Thảo tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hoà do anh Trần Văn A làm chủ cầm được 2.000.000đ (Hai triệu đồng), số tiền này cả hai đã tiêu xài hết. Sự việc xảy ra, chị D đến Công an phường Tân Hiệp trình báo. Đến ngày 19-12-2021, Th đến Công an phường Tân Hiệp đầu thú, sau đó Công an phường Tân Hiệp mời N lên làm việc, tại đây N và Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Công an phường Tân Hiệp lập hồ sơ, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công tra Công an thành phố Biên Hoà để điều tra, xử lý.

* Vật chứng thu giữ, gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Thuỳ D, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã giao trả lại cho chị D.

- 01 (Một) hợp đồng cầm cố tài sản dịch vụ cầm đồ Đại Thảo ghi nhận N cầm 01 (Một) chiếc điện thoại Iphone 7Plus với giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tại cửa hàng: lưu hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 11-01-2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự kết luận: “01 (Một) điện thoại di động Iphone 7 Plus loại 256GB có giá trị định giá tài sản là 2.236.000đ (Hai triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng)”.

* Trách nhiệm dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Thuỳ D đã nhận lại tài sản đồng thời bị cáo N đã bồi thường số tiền 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng) nên chị D không yêu cầu gì thêm.

- Anh Trần Văn A không có yêu cầu bị cáo N bồi thường thiệt hại.

Tại cáo trạng số 240/CT - VKSBH ngày 16 tháng 5 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo **Trần Phương N** về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo các điều, khoản và các tội danh nêu trên;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Áp dụng tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; quá trình điều tra bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại có đơn bãi nại (quy định tại các điểm i, b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự).

Về hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Phương N** từ đến 18 đến 20 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và từ 06 đến 08 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; đề nghị tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo chấp hành chung theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo **Trần Phương N** đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Trần Phương N, sinh năm 1998, Hồ Lê Ngọc Th, sinh ngày 23/5/2006 và chị Nguyễn Thị Thuỳ D làm cùng công ty nên quen biết nhau. Chị D thường xuyên đến phòng trọ của N, Th thuê để chơi và cho N, Th mượn 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus chơi game. Quá trình sử dụng điện thoại của chị D, N và Th biết mật khẩu điện thoại và phát hiện tài khoản ngân hàng của chị D có số tiền 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng) nên N rủ Th tìm cách lấy điện thoại của chị D và chiếm đoạt số tiền trong tài khoản ngân hàng của chị D.

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 08/12/2021, tại phòng trọ không số thuộc khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hoà, Trần Phương N và Hồ Lê Ngọc Th đã có hành vi gian dối chiếm đoạt 01 (Một) điện thoại di động Iphone 7 Plus loại 256GB, được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận có giá trị là 2.236.000đ (Hai triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, N và Th tìm cách mở mật khẩu tài khoản ngân hàng trên ứng dụng điện thoại để chiếm đoạt số tiền trong tài khoản ngân hàng của chị D thì phát hiện phía sau ốp lưng điện thoại có 01 (Một) căn cước công dân và 01 (Một) thẻ ATM của chị D. Sau đó N dùng thẻ ATM và thử mật khẩu là ngày tháng năm sinh của chị D thì N rút được tiền. Tổng số tiền N đã chiếm đoạt được trong tài khoản ngân hàng của chị D vào ngày 08/12/2021 và ngày 09/12/2021 là 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng).

[3] Về tội danh:

Xét thấy, hành vi nêu trên của bị cáo **Trần Phương N** đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã có đủ năng lực chịu

trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bản thân bị cáo lừa dối nhưng lại muốn được hưởng thụ, đã chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trần Phương N đã rủ rê, xúi giục Hồ Lê Ngọc Th phạm tội khi Th chưa đủ 18 tuổi, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả thiệt hại tài sản cho bị hại; được bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị Thuý D đã nhận lại tài sản đồng thời bị cáo N đã bồi thường số tiền 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng) nên chị D không yêu cầu gì thêm. Anh Trần Văn A không có yêu cầu bị cáo N bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Về các nội dung khác, xét thấy:

Đối với Hồ Lê Ngọc Th, sinh ngày 23-5-2006, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội được 15 tuổi 06 tháng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với Cao Khải Đ đã có hành vi chở N và Th đi rút tiền nhưng Đ không biết sự việc phạm tội của N và Th, cũng không được Th và N rủ rê hay bàn bạc từ trước nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không xử lý là phù hợp.

Đối với anh Trần Văn A đã nhận cầm 01 (Một) điện thoại di động Iphone 7Plus của N và Th, khi nhận cầm anh không biết đây là tài sản do N và Th phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy phù hợp với những phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Phương N** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; Điểm s, i, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Trần Phương N 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai tội là **02 (Hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Trần Phương N** phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

(đã ký)

Trần Văn Hùng